| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2018/HS-ST
Ngày: 15-3-2018

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Trần Quang Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Ông Trương Hữu Bình.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Thái Văn Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/HSST-QĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn S, sinh năm 1968, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn C (không rõ năm sinh) và bà Lê Thị P, sinh năm 1940; bị cáo có vợ tên Võ Đoan T, sinh năm 1973 và 02 người con lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1978. Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1938 (mẹ ruột bị hại).

2. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976 (chồng bị hại).

3. Cháu Nguyễn Phi H, sinh năm 1995 (con ruột bị hại).

4. Cháu Nguyễn Phương T, sinh ngày 12/4/2006 (con ruột bị hại). Người giám hộ của cháu T: Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1976 (cha ruột cháu T).

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Bà Bùi Thị Đ, cháu Nguyễn Phi H, cháu Nguyễn Phương T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Thanh P (theo văn bản ủy quyền ngày 08/02/2018). Ông P có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967. Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn S có giấy phép lái xe hạng C, số 790074003260 do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/4/2013. S lái xe thuê cho Cửa hàng vật liệu xây dựng Vân Lâu do ông Nguyễn Văn L làm chủ.

Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 16/9/2017, Nguyễn Văn S điều khiển xe ô tô biển số 70C-076.99 chở đất sét do Công ty Becammex khai thác tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương đi theo đường ĐT 748 hướng từ Ủy ban nhân dân xã AD về Ủy ban nhân dân xã AL giao cho Công ty gạch men Hùng Anh ngụ ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi điều khiển xe ô tô nói trên đến đoạn đường thuộc ấp H, xã AL, huyện D, tỉnh Bình Dương, S nhìn thấy phía trước có xe mô tô ba bánh không biển số do bà Nguyễn Thị N điều khiển chạy phía trước cùng chiều với khoảng cách từ 05m đến 06m. S bật đèn xi nhan bên trái điều khiển xe ô tô vượt qua xe mô tô ba bánh với vận tốc khoảng 40 – 45 km/h, đồng thời lấn sang làn đường dành cho xe đi ngược chiều và điều khiển song song với bà N. S thấy xe mô tô ba bánh của bà N chưa tránh về bên phải nên S nói: "Sao không né mà cứ lủi vô hoài vậy". Lúc này, tuy không đủ điều kiện an toàn để vượt xe nhưng S vẫn tiếp tục điều khiển xe đi tiếp nên cảng trước bên phải xe ô tô va chạm vào tay lái bên trái của xe mô tô ba bánh và kéo xe mô tô ba bánh cùng bà N vào gầm xe ô tô, bà N tử vong tại chỗ.

Sau khi xảy ra tai nạn giao thông, hiện trường để lại các dấu vết có chiều hướng, kích thước như sau:

Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn giao thông là đoạn đường nhựa thẳng, mặt đường bằng phẳng, tầm nhìn của lái xe không bị che khuất. Chiều rộng mặt đường là 07m, có vạch sơn trắng kẻ đường dạng vạch đứt quãng, chia mặt đường mỗi bên rộng 03,50m. Lúc xảy ra tai nạn trời nắng, mặt đường khô ráo.

Nạn nhân Nguyễn Thị N chết tại hiện trường nằm dưới gầm xe ô tô biển số 70C - 076.99 vị trí gần bánh trước bên phải xe ô tô. Nạn nhân bị đất lấp, sau khi kéo nạn nhân ra thì đầu nạn nhân còn bị kẹt giữa tay cầm với bình xăng và khung sườn của xe mô tô ba bánh.

Xe ô tô biển số 70C - 076.99 dừng lại dưới lề trái hướng từ Ủy ban nhân dân xã AD đi Ủy ban nhân dân xã AL. Đầu xe quay về hướng Ủy ban nhân dân xã AL hơi chếch vào lề trái. Hình chiếu vuông góc của trục thứ nhất và trục thứ ba bên phải với mặt đường vào lề chuẩn là 10,90m và 09,20m.

Xe mô tô ba bánh không biển số, số khung không có, số máy không có ngã lật qua trái, phần thân xe nằm dưới gầm xe ô tô biển số 70C-076.99. Thùng xe phía trước bị bung ra nằm dọc theo cửa trước bên phải xe ô tô biển số 70C- 076.99. Hình chiếu vuông góc của trục trước với mặt đường vào lề chuẩn là 13,30m. Hình chiếu vuông góc của trục sau bên trái với mặt đường vào lề chuẩn là 11,40m.

Hiện trường có 02 vết phanh dạng đôi. Vết phanh bên trái kéo dài liên tục đến trục trước bên trái xe ô tô biển số 70C - 076.99 là 29,50m, rộng 00,60m, đầu vết cách lề chuẩn là 06,00m. Vết phanh bên phải kéo dài liên tục đến trục trước bên phải xe ô tô biển số 70C - 076.99 là 18m, rộng 00,60m, đầu vết cách lề chuẩn là 04,30m. Từ đầu vết phanh thứ nhất đến đầu vết phanh thứ hai là 12,60m. Từ trục thứ nhất và trục thứ ba bên phải xe ô tô biển số 70C - 076.99 đến trục điện số 197 để làm chuẩn là 19m và 17,70m.

Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đối với xe mô tô ba bánh không biển số ngày 16/9/2017 của Công an huyện Dầu Tiếng xác định: Móp vè chắn bùn trước kích thước 20cm x 5cm; bể toàn bộ hệ thống đèn trước, chiều hướng móp kim loại vào trong; bể rớt đồng hồ đo km/h; cong tay lái bên phải xuống dưới; cong tay lái bên trái lên trên; gãy rớt và móp bình xăng lớn; gãy sườn vị trí dưới bình xăng lớn; gãy rớt và móp két nước, chiều hướng móp từ trước ra sau; gãy rớt quạt gió; gãy rớt bệ gác chân bên phải và bên trái; gãy rớt cần đạp số; gãy rớt và móp thùng đựng đồ sửa xe bên gác trái phía trước thùng xe; cong thành thùng phía trước và bên trái vô trong.

Biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông đối với xe ô tô biển số 70C - 076.99 ngày 16/9/2017 của Công an huyện Dầu Tiếng xác định: Xây xát và móp cảnh trước vô trong; móp bảo hiểm két nước giữa kích thước 50cm x 30cm, sâu 12cm, cách đầu cản phía bên phải 01m; bể đèn chuyển hướng trước bên phải, móp két nước phụ bên phải vô trong; bể gò má phải và xây xát có dính sơn màu xanh kích thước 15cm x 3cm; xây xát và thủng cửa trước bên phải kích thước 3cm x 2cm, cách giữa tay nắm 15cm; cong bệ nước chân bên phải từ trước ra sau.

Biên bản kiểm tra nồng độ cồn ngày 16/9/2017 của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Dầu Tiếng xác định: Kết quả đo nồng độ cồn của Nguyễn Văn S là 0.00 mg/l.

Tại Biên bản xác định phiếu cân ngày 16/9/2017 của 2017 của Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Dầu Tiếng xác định: Tổng tải trọng cả hàng và xe là 31.090 kg.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 790/PC54-GĐPY ngày 20/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Nguyên nhân chết của Nguyễn Thị N là do đa chấn thương (dập rách phổi, tim, gãy xương cột sống…).

Bản kết luận giám định số 236/HPL-PC54 ngày 24/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tìm không thấy thành phần Ethanol (cồn) trong máu của Nguyễn Thị N.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 08/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng kết luận: Tổng giá trị tài sản xe

mô tô ba bánh không biển số thiệt hại là 4.140.000 đồng; tổng giá trị tài sản xe ô tô biển số 70C - 076.99 thiệt hại là 8.600.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng thu giữ: 01 xe mô tô ba bánh, không biển số và 01 xe ô tô biển số 70C - 076.99.

Tại bản Cáo trạng số 07/CTr-VKSDT ngày 07 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1, Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1, Điều 202; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 16 tháng đến 20 tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Giao 01 chiếc xe mô tô không biển số, không có số khung, không có số máy cho Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo không tranh luận gì về tội danh, điều khoản và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra; đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận gì chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 16 tháng 9 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn S điều khiển xe ô tô biển số 70C-076.99 chở đất sét đi theo đường ĐT 748 hướng từ Ủy ban nhân dân xã AD về Ủy ban nhân dân xã AL, huyện D, tỉnh Bình Dương. Khi đến đoạn đường thuộc ấp H, xã AL thì gây ra tai nạn với xe mô tô do Nguyễn Thị N điều khiển. Tai nạn làm cho Nguyễn Thị N tử vong tại chỗ.

[3] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo điều khiển xe mô tô vượt đường khi có chướng ngại vật phía trước là không đúng quy định, vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Giao thông đường bộ. Hậu quả của hành vi đó là gây ra cái chết của bị hại Nguyễn Thị N. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi vô ý vì quá tự tin.

[4] Với các tình tiết của vụ án đã được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn S đã phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển P tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số 07/CTr-VKSDT ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Vi phạm quy định về điều khiển P tiện giao thông đường bộ" theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét thấy tình hình tai nạn giao thông xảy ra tại địa P đang diễn ra ngày càng tăng nên hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại theo quy định tại điểm b, p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Ngoài ra, bị cáo còn có các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như: Bị cáo có trình độ học vấn thấp, trong quá trình điều tra người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Nguyễn Thanh P có đơn xin bãi nại cho bị cáo và tại phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Qua đó, để cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên Hội đồng xét xử quyết định không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi môi trường xã hội mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo

quy định tại Điều 60 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và ông Lê Văn L tự nguyện bồi thường cho đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Nguyễn Thanh P số tiền 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại N là ông P không yêu cầu giải quyết gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ông Nguyễn Văn L không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 150.000.000 đồng và cũng không yêu cầu bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra xác định: Xe ô tô biển số 70C - 076.99 do ông Nguyễn Văn L là chủ sở hữu hợp pháp. Vì vậy, ngày 25/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã trả lại xe ô tô biển số 70C - 076.99 cho ông L.

- Đối với xe mô tô ba bánh không biển số, không có số khung, không có số máy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng không có cơ sở để điều tra làm rõ. Vì vậy, giao cho Ủy ban nhân dân huyện D để xử lý theo thẩm quyền.

[11] Xét ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về phần tội danh, điều khoản truy tố và mức hình phạt áp dụng là có căn cứ phù hợp với các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ".

Căn cứ khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Giao 01 mô tô màu sơn xanh không biển số, không số máy,

không số khung cho Ủy ban nhân dan huyện D, tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

*(Vật chứng trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương).*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an huyện Dầu Tiếng;
- CC THADS huyện Dầu Tiếng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Bình Dương.
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quang Tuấn**